

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2019/DS-PT
Ngày: 03-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 186/2019/TLPT- DS
ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp dân sự hợp đồng mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 115/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án
nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2019/QĐPT-DS ngày 16
tháng 5 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Phan Văn T, năm sinh 1971 - đại diện Hộ kinh doanh N.
(Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Mỹ T, xã Mỹ Q, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Lê Trường A (Tr), sinh năm 1973. (Có mặt)

2.2. Nguyễn Thị Hoa E, sinh năm 1977. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Mỹ T, xã Mỹ X, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người làm chứng:

3.1. Bùi Hữu T, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Mỹ N, xã Mỹ Q, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Nguyễn Văn P, sinh năm 1967. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ T, xã Mỹ X, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Anh Lê Trường A (Tr), chị Nguyễn Thị Hoa E là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Phan Văn T trình bày: Anh là người đại diện hộ kinh doanh N và vợ chồng anh A (Tr), chị E quen biết được 03 năm và là khách hàng mua bán, hai bên có làm hợp đồng mua bán sen với nhau qua uy tín của hai bên. Anh T thuê người chở sen đến cơ sở của anh A và chị E. Khi giao sen, anh T và chị Hoa E sẽ điện thoại với nhau để xác nhận đã nhận đủ sen. Vào ngày 07/5/2017, anh T có giao sen cho anh A là 540kg sen, chị Hoa E có gọi điện thoại xác nhận đã nhận đủ sen cho anh và có nói rằng sao hôm nay giao nhiều sen thì anh T nói rằng cộng dồn hai ngày và chị Hoa E đồng ý. Tiền sen 63.000đ/kg x 540kg = 34.020.000đ. Anh có kêu anh Bùi Hữu T là người chở thuê cho vợ chồng anh đến nhận là 09 bao sen, mỗi bao là 60kg đem giao cho vợ chồng anh A (Tr), số sen được giao đủ trong ngày.

Đến ngày 29/7/2017, anh có đến nhà anh Trường A (Tr) nhận tiền hàng, anh Trường A (Tr) trả cho anh T số tiền là 20.000.000đ, không có làm biên nhận. Hai bên thỏa thuận để chốt sổ lại sau.

Đến khi anh về nhà chốt sổ sách lại thì có điện thoại báo cho chị Hoa E là hiện tại vợ chồng anh chị còn nợ lại anh 200kg sen, thành tiền là 12.600.000đ (200kg x 63.000đ/kg). Lúc đó, chị Hoa E đồng ý và thừa nhận có nợ anh 200kg sen như trên (anh T có ghi âm cuộc gọi). Lý do anh ghi âm cuộc gọi này là do anh gọi điện cho vợ chồng anh Trường A, chị Hoa E trả tiền cho anh nhưng vợ chồng anh Trường A cứ hứa hẹn nhiều lần mà không trả nên anh mới ghi âm cuộc gọi lại để làm bằng chứng sau này trong đoạn ghi âm chị Hoa E thừa nhận có nợ anh 200kg sen. Nay anh yêu cầu anh Trường A (Tr) cùng vợ là chị Hoa E cùng liên đới trả cho anh số tiền 12.600.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

- Bị đơn anh Lê Trường A (Tr) trình bày: Anh và vợ là chị Nguyễn Thị Hoa E có thỏa thuận mua sen theo thời vụ, không làm hợp đồng với anh T, từ năm 2014 đến khi phát sinh vụ việc. Anh A thừa nhận cách thức giao sen và thanh toán tiền như anh T trình bày. Tuy nhiên, vào ngày 07/5/2017, anh A và chị Hoa E chỉ nhận

của anh T 02 chuyến sen, mỗi chuyến 03 bao, mỗi bao 60kg, tổng cộng 06 bao là 360kg, buổi trưa anh An nhận 01 chuyến, buổi chiều vợ anh A là chị Hoa E nhận 01 chuyến và đã thanh toán tiền xong cho anh T. Do tin tưởng nên khi giao sen và trả tiền không lập thành văn bản.

Anh xác nhận không có lần nào giao cho người làm nhận sen. Ngày 29/7/2017, anh A không có trả 20.000.000đ cho anh T như anh T đã trình bày vì ngày 07/5/2017 anh Trường A đã thanh toán tiền sen xong cho anh T.

Do đó, anh không đồng ý cùng chị Hoa E trả cho anh T số tiền 12.600.000đ.

- Chị Nguyễn Thị Hoa E trình bày: Ngày 07/5/2017, anh Bùi Hữu T là người anh T thuê chở sen có giao sen cho anh A. Chị có nhận 01 chuyến sen 03 bao mỗi bao 60kg. Chị chỉ nhận sen còn sổ sách thì giao lại cho anh A tính toán với anh T. Chị xác nhận không có gọi điện cho anh T nói rằng sau giao nhiều sen như anh T trình bày, chị chỉ nhận hàng rồi báo cáo lại cho anh A nhận bao nhiêu sen, không có thanh toán tiền hàng. Anh T cho rằng có gọi điện cho anh A và chị thông báo còn nợ lại anh T 200kg sen là không có. Về việc anh T giao nộp 02 đoạn băng ghi âm thì chị thừa nhận giọng nói trong băng ghi âm là của chị, chị không yêu cầu Tòa án giám định, về nội dung trong đoạn ghi âm thì chị trả lời “có...có...” là do lúc đó anh T gọi điện cho chị hỏi có anh A ở nhà không nên chị mới trả lời là có chứ không phải chị thừa nhận có nợ anh T 200kg sen như anh T đã trình bày.

Do đó, chị không đồng ý liên đới cùng anh A (Tr) trả cho anh T số tiền 12.600.000đ.

Tại bản án số: 115/2018/DSST ngày 26/11/2018 của Tòa án huyện C tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Phan Văn T - đại diện Hộ kinh doanh N.

Buộc anh Lê Trường A (Tr) và chị Nguyễn Thị Hoa E có trách nhiệm liên đới trả cho anh Phan Văn T - đại diện hộ kinh doanh N số tiền là 12.600.000 đồng (Mười hai triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Anh Lê Trường A (Tr) và chị Nguyễn Thị Hoa E phải liên đới chịu 630.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phan Văn T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000469 ngày 03/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2018 anh Lê Trường A (Tr) và chị Nguyễn Thị Hoa E có đơn kháng cáo không đồng ý trả số tiền mua sen cho anh T.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Anh Lê Trường A (Tr), chị Nguyễn Thị Hoa E vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của anh A, chị E, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh T yêu cầu anh A, chị E liên đới trả cho anh số tiền mua sen còn nợ là 12.600.000đ tương đương 200kg sen.

[2] Sau khi án sơ thẩm xử anh A, chị E có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, anh chị không đồng ý trả cho anh T số tiền mua sen còn nợ 12.600.000đ. Xét yêu cầu kháng cáo của anh là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, căn cứ 02 đoạn ghi âm do anh T cung cấp cho Tòa án trong hai cuộc đối thoại giữa anh T và chị Hoa E thì chị Hoa E thừa nhận nợ và chị cũng không yêu cầu giám định.

Nội dung ghi âm có đoạn “Anh T nói: Chị có công nhận là ngày đó chị có nhận 09 bao sen không? Chị Hoa E nói: Có. ” và “Anh T nói: Chị có công nhận là đã nhận 200 không? Chị Hoa E nói: Có. Đúng rồi. Tuy nhiên, chị Hoa E cho rằng do có sự nhầm lẫn anh T hỏi anh A có nhà không nên chị mới trả lời là “có” và “đúng rồi”. Việc trả lời lại sau câu hỏi của anh T là “có nhận ngày đó 09 bao sen không?” và “có công nhận 200 không?” việc nhầm lẫn đến hai lần tại hai thời điểm khác nhau nên lời trình bày của chị Hoa E là không phù hợp.

Theo lời khai của anh Hữu T là người chở thuê cho anh T xác định anh T có thuê anh chở sen để giao cho anh A vào ngày 07/5/2017, anh chở 03 chuyến mỗi chuyến 03 bao sen giá 80.000đ/chuyến, anh giao cho anh A nhận 03 bao, chị E nhận 03 bao, anh P là người làm thuê cho anh A nhận 03 bao, tổng cộng 09 bao sen. Khi giao sen phía anh A nhận và điện thoại cho anh T để hai bên xác định số lượng nhận xong, anh Hữu T mới được về.

Từ những chứng cứ phân tích nêu trên, xét án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của anh T buộc anh A, chị Hoa E có trách nhiệm liên đới trả cho anh T số tiền mua bán sen còn nợ 12.600.000 đồng tương ứng với 200 kg sen là có căn cứ. Xét yêu cầu kháng cáo của anh Trường A, chị Hoa E là không có căn cứ để chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Trường A, chị Hoa E giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh A, chị E phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của anh A, chị E, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 385; Điều 430; Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Lê Trường A (Tr), chị Nguyễn Thị Hoa E.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 115/2018/DSST ngày 26/11/2018 của Tòa án huyện C.
3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Phan Văn T, là người đại diện hộ kinh doanh N.

Buộc anh Lê Trường A (Tr) và chị Nguyễn Thị Hoa E có trách nhiệm liên đới trả cho anh Phan Văn T - đại diện hộ kinh doanh N số tiền là 12.600.000 đồng (Mười hai triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

Anh Lê Trường A (Tr) và chị Nguyễn Thị Hoa E phải liên đới chịu 630.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phan Văn T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000469 ngày 03/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về án phí phúc thẩm: Anh Lê Trường A (Tr), chị Nguyễn Thị Hoa E mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo các biên lai thu số 0001124; 0001125 ngày 30/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ca. (Anh Trường A, chị Hoa E đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- TAND huyện C;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội